sexyhair PHIẾU AN TOÀN HÓA CHẤT

SySH Protect Me

I. NHẬN DẠNG HÓA CHẤT

Product Name : SySH Protect Me

Các cách khác để xác định lai lịch : Không có sẵn.

Recommended use : Hair Care Product

Restrictions on use : Use only as directed on the product label.

Nhà sản xuất : SexyHair Henkel Beauty Care Hair Professional NA
5800 Bristol Pkwy, Floor 7
Culver City, CA 90230 USA
www.sexyhair.com

Ngày thẩm định : 9/18/2020

Trong trường hợp khẩn cấp : (800) 584-8038 [24 Hours]

Số Điện Thoại : (200) 428-8073 [8:30 a.m. - 5:00 p.m.]

Transportation Emergency : Contact: CHEMTREC 1-800-424-9300 [US/Canada 24 Hours]

Loại sản phẩm : Bình phun.

Phần 2. Nhận dạng đặc tính nguy hiểm của hóa chất

Tổng quan cấp cứu

DỰ KIẾN SẼ KHÔNG GÂY ẢNH HƯỞNG BẤT LỢI ĐÁNG KỂ VỚI SỨC KHỎE NẾU TUÂN THỦ CÁC HƯỚNG DẪN SỬ DỤNG ĐƯỢC KHUYẾN CÁO. ***TO BE TRANSLATED***

Tình trạng OSHA/HCS : This material is considered hazardous by the OSHA Hazard Communication Standard (29 CFR 1910.1200).

Mức xếp loại nguy hiểm : SOL KHÍ DỄ CHÁY - Loại 1
KHÍ CHỊU ÁP SUẤT - Khí nén

Tỷ lệ hỗn hợp chứa (các) thành phần có độc tính qua miệng chưa biết: 45.1%
Tỷ lệ hỗn hợp chứa (các) thành phần có độc tính qua da chưa biết: 96.5%
Tỷ lệ hỗn hợp chứa (các) thành phần có độc tính qua hít thở chưa biết: 43.1%

Các thành phần cơ bản của nhãn GHS (Hệ Thống Hợp Tác Toàn Cầu Về Phân Loại Và Ghi Nhãn Hóa Chất)

Hình đồ cảnh báo :

Từ cảnh báo : Nguy hiểm

Cảnh báo nguy cơ : Sol khí cực dễ cháy.
Chứa khí dưới áp suất; có thể nổ nếu gia nhiệt.

Các công bố về phòng ngừa

Tổng quát : Đọc kỹ nhãn trước khi sử dụng. Tránh xa tầm với của trẻ em. Nếu cần tư vấn về y học, tham khảo thùng chứa hoặc nhãn sản phẩm.

Ngăn chặn : Giữ tránh xa nguồn nóng, tia lửa, ngọn lửa trần và bề mặt nóng. Không được hút thuốc. Không phun vào ngọn lửa trần hoặc nguồn gây cháy khác. Thùng chứa nén áp suất: Không xé toạc hoặc đốt, thậm chí sau khi sử dụng.

Phản ứng : Không áp dụng.

Lưu trữ : Giữ tránh ánh sáng mặt trời. Không để tiếp xúc với nhiệt độ vượt quá 50 °C/122 °F. Cất giữ ở một nơi thông gió tốt.

Phần 2. Nhận dạng đặc tính nguy hiểm của hóa chất

Xử lý : Không áp dụng.

Nguy hiểm chưa được phân loại khác : Không biết chất nào.

Phần 3. Thông tin về thành phần các chất

Chất/pha chế : Hỗn hợp

Name	%	Số CAS
rượu etylic decamethylcyclopentasiloxane	25.41 17.16	64-17-5 541-02-6

Nồng độ nào biểu thị dưới dạng khoảng là để bảo mật thông tin hay do sự biến đổi của lô.

Với hiểu biết hiện tại của nhà cung cấp và ở mức độ cô đặc áp dụng, không có thành phần bổ sung nào bị phân loại là độc hại với sức khỏe và môi trường cần phải báo cáo trong phần này.

Giới hạn phơi nhiễm nghề nghiệp, nếu có, được liệt kê ở phần 8.

IV. BIỆN PHÁP SƠ CỨU VỀ Y TẾ

Mô tả các biện pháp sơ cứu cần thiết

Tiếp xúc mắt : Nếu tiếp xúc, dùng nhiều nước rửa mắt ngay ít nhất trong 15 phút. Tìm hỗ trợ y tế nếu dị ứng cứ kéo dài.

Hít phải : Di chuyển người bị ảnh hưởng ra chỗ thoáng khí.

Tiếp xúc ngoài da : Cởi quần áo và giày dép dính chất độc. Rửa bằng nhiều nước và xà phòng.

Nuốt phải : DỰ KIẾN SẼ KHÔNG GÂY ẢNH HƯỞNG BẤT LỢI ĐÁNG KỂ VỚI SỨC KHỎE NẾU TUÂN THỦ CÁC HƯỚNG DẪN SỬ DỤNG ĐƯỢC KHUYẾN CÁO. Điều trị theo triệu chứng. Không được đút bất kỳ thứ gì vô miệng của một người đã bất tỉnh. Gọi bác sĩ.

Thể hiện sự cần thiết phải được y bác sĩ chăm sóc ngay lập tức và được điều trị đặc biệt, nếu cần

Lưu ý đối với bác sĩ điều trị : Không có cái nào.

Điều trị cụ thể : Không đòi hỏi điều trị đặc biệt.

Bảo vệ nhân viên sơ cứu : Không nên đưa ra hành động nào nếu có thể gây nguy hại cho cá nhân hoặc nếu chưa được huấn luyện thích đáng. Có thể nguy hiểm cho người đến cấp cứu nếu người này dùng cách thổi vô miệng để hồi sinh.

Xem thông tin độc tính (phần 11)

V. BIỆN PHÁP XỬ LÝ KHI CÓ HỎA HOẠN

Phương tiện dập tắt

Các chất chữa cháy phù hợp : Dùng chất dập tắt lửa thích hợp với ngọn lửa xung quanh.

Các chất chữa cháy không phù hợp : Không biết chất nào.

Các hiểm họa đặc trưng phát sinh từ hóa chất : Sol khí cực dễ cháy. Để chảy ra đường cống có thể gây ra đám cháy hoặc tiếng nổ. Khi cháy hoặc khi quá nóng, áp suất sẽ tăng và đồ chứa có thể trào ra, và sau đó có thể phát nổ. Khí có thể tích lũy ở nơi kín, có thể đi một khoảng xa đến nguồn bắt lửa và cháy lan về gây nổ. Bình phun bị nổ có thể văng xa đám cháy với tốc độ cao.

V. BIỆN PHÁP XỬ LÝ KHI CÓ HỎA HOẠN

Sản phẩm phân rã do nhiệt nguy hiểm : Các sản phẩm làm thối rữa có thể bao gồm các vật liệu sau đây:
carbon dioxit
carbon monoxit
ôxit nitơ
hợp chất halogen hóa
carbonyl halides
ôxit kim loại

Các hành động bảo vệ đặc biệt cho người chữa cháy : Nhanh chóng cô lập hiện trường bằng cách đuổi tất các mọi người ra khỏi khu vực xảy ra sự cố nếu thấy có cháy. Không nên đưa ra hành động nào nếu có thể gây nguy hại cho cá nhân hoặc nếu chưa được huấn luyện thích đáng. Di chuyển bình chứa khỏi khu vực cháy nếu có thể làm được mà không nguy hiểm. Dùng bụi nước để giữ mát bình chứa phơi ra lửa.

Phương tiện, trang phục bảo hộ cần thiết khi chữa cháy : Nhân viên chữa cháy phải trang bị các dụng cụ bảo hộ thích hợp và máy thở độc lập (SCBA), với bộ phận che mặt kín và hoạt động ở chế độ áp suất dương.

VI. BIỆN PHÁP PHÒNG NGỪA, ỨNG PHÓ KHI CÓ SỰ CỐ

Các biện pháp đề phòng cá nhân, thiết bị bảo vệ và các quy trình xử lý khẩn cấp

Cho người không phải nhân viên cấp cứu : Không nên đưa ra hành động nào nếu có thể gây nguy hại cho cá nhân hoặc nếu chưa được huấn luyện thích đáng. Di tản khỏi khu vực chung quanh. Ngăn không cho vào những người không cần thiết và không có thiết bị bảo hộ. Nếu bình phun bị thủng, phải cẩn thận vì chất chứa ở trong dưới áp suất lớn sẽ thoát ra ngoài rất nhanh. Nếu nhiều thùng chứa bị vỡ, hãy xử lý như đối với trường hợp vật liệu bị đổ ra nhiều, theo các hướng dẫn trong phần lau chùi. Không nên sờ mó hoặc dẫm vào chất đã đổ ra. Tắt tất cả các nguồn phát lửa. Không dùng pháo sáng, khói hay ngọn lửa trong khu vực nguy hiểm. Tránh hít hơi hay sương. Cung cấp thông hơi đầy đủ. Đeo bình thở thích hợp trong trường hợp không có đủ thoáng khí. Sử dụng trang bị bảo hộ cá nhân phù hợp.

Cho các nhân viên cấp cứu : Nếu cần phải có quần áo đặc biệt để xử lý lượng tràn đổ, hãy lưu ý đến mọi thông tin trong Mục 8 về các vật liệu phù hợp và không phù hợp. Xem thêm thông tin trong mục " Cho người không phải nhân viên cấp cứu".

Đề phòng cho môi trường : Tránh làm lây lan những chỗ vật liệu bị đổ trào, và không cho chúng thoát ra và tiếp xúc với đất, dòng nước, khu vực thoát nước và cống rãnh. Thông báo cho nhà chức trách liên quan nếu sản phẩm đã gây ô nhiễm môi trường (cống rãnh, nguồn nước, đất hay không khí).

Các phương pháp và vật liệu dùng để ngăn chặn và làm sạch

Khi tràn đổ, dò rỉ ở mức nhỏ : Bịt chỗ rò rỉ nếu không nguy hiểm. Dùng dụng cụ không bắn tia lửa và thiết bị không nổ. Pha loãng bằng nước và dọn sạch nếu tan trong nước.

Khi tràn đổ, dò rỉ lớn ở diện rộng : Bịt chỗ rò rỉ nếu không nguy hiểm. Dùng dụng cụ không bắn tia lửa và thiết bị không nổ. Hốt và dọn chỗ đổ bằng chất không cháy nổ, thẩm thấu, ví dụ, cát, đất, đất cát hay đất mùn rồi cho vào bình chứa để xử lý theo đúng qui định của địa phương (xem Phần 13). Vật liệu bị nhiễm hút độc có thể gây nguy hại tương tự như sản phẩm đổ tràn. Ghi chú: xem Phần 1 về thông tin liên hệ khẩn cấp và Phần 13 về xử lý chất thải.

VII. YÊU CẦU VỀ CẤT GIỮ

Các biện pháp đề phòng cho thao tác an toàn

Biện pháp bảo vệ : Trang bị các dụng cụ bảo hộ cá nhân thích hợp (xem phần 8). Bình chứa có áp suất: không để phơi nắng trực tiếp và đừng phơi ra nhiệt độ quá 50°C. Đừng chọc thủng hay đốt cháy, ngay cả sau khi sử dụng. Đừng nuốt. Tránh tiếp xúc với mắt, da và quần áo. Tránh hít phải khí. Tránh hít hơi hay sương. Chỉ sử dụng khi có thông gió đầy đủ. Đeo bình thở thích hợp trong trường hợp không có đủ thoáng khí. Cất giữ và sử dụng xa chỗ nóng, tia lửa, ngọn lửa hoặc bất kỳ nguồn kích hỏa nào. Dùng thiết bị bằng điện (quạt, đèn, dụng cụ xử lý vật liệu) không gây nổ. Chỉ sử dụng dụng cụ không phát tia lửa .

Tư vấn về vệ sinh nghề nghiệp tổng quát : Cấm không được ăn, uống và hút thuốc trong khu vực xử lý, trữ và chế biến chất này. Cởi bỏ quần áo ô nhiễm và trang bị bảo hộ rồi mới đi vào các khu vực ăn uống. Xem thêm Mục 8 để biết thêm thông tin về các biện pháp vệ sinh.

Các điều kiện bảo quản an toàn, kể cả mọi khả năng tương kỵ : Cất giữ theo đúng quy định của địa phương. Bảo quản tại khu vực khô, mát và thông thoáng tốt, tránh ánh sáng mặt trời trực tiếp, tránh các vật liệu không tương thích (xem phần 10) và thực phẩm và đồ uống. Giữ tránh ánh sáng mặt trời. Loại trừ mọi nguồn bắt lửa.

VIII. TÁC ĐỘNG LÊN NGƯỜI VÀ YÊU CẦU VỀ THIẾT BỊ BẢO VỆ CÁ NHÂN

Hoa Kỳ

Các thông số kiểm soát

Giới hạn phơi nhiễm nghề nghiệp

Tên thành phần nguy hiểm	Giới hạn phơi nhiễm
rượu etylic	**ACGIH TLV (Hoa Kỳ, 3/2015).** STEL: 1000 ppm 15 phút. **OSHA PEL 1989 (Hoa Kỳ, 3/1989).** TWA: 1000 ppm 8 giờ. TWA: 1900 mg/m³ 8 giờ. **NIOSH REL (Hoa Kỳ, 10/2013).** TWA: 1000 ppm 10 giờ. TWA: 1900 mg/m³ 10 giờ. **OSHA PEL (Hoa Kỳ, 2/2013).** TWA: 1000 ppm 8 giờ. TWA: 1900 mg/m³ 8 giờ.

Các biện pháp kiểm soát kỹ thuật phù hợp : Chỉ sử dụng khi có thông gió đầy đủ. Nếu khi sử dụng có phát ra bụi, khói, khí, hơi hoặc sương, hãy dùng những vật dụng che chắn của quy trình, hệ thống thông gió tại chỗ hoặc các biện pháp kiểm soát kỹ thuật khác để giữ cho sự phơi nhiễm của công nhân đối với chất độc trong không khí ở dưới bất kỳ mức giới hạn nào được khuyến cáo hoặc do luật định. Các phương tiện kiểm soát cũng cần giữ cho độ tập trung của khí, hơi hoặc bụi dưới bất kỳ giới hạn gây nổ nào. Sử dụng thiết bị thông hơi chống nổ.

Kiểm soát phơi nhiễm môi trường : Phải kiểm tra khí thải từ ống thông gió hay thiết bị dây chuyền làm việc để bảo đảm chúng tuân thủ yêu cầu luật lệ bảo vệ môi trường. Trong một số trường hợp, cần có bộ lọc khói, màng lọc hay điều chỉnh cơ khí đối với thiết bị trong dây chuyền để giảm khí thải tới mức chấp nhận được.

Các phương tiện bảo hộ cá nhân khi làm việc

Biện pháp vệ sinh :

Biện pháp vệ sinh : Khi sử dụng không được ăn uống hay hút thuốc.

VIII. TÁC ĐỘNG LÊN NGƯỜI VÀ YÊU CẦU VỀ THIẾT BỊ BẢO VỆ CÁ NHÂN

Bảo vệ mắt : Cần sử dụng kính an toàn, loại đáp ứng tiêu chuẩn được công nhận, trong trường hợp một cuộc đánh giá rủi ro cho thấy điều này là cần thiết để tránh bị chất lỏng hắt vào, sương, gas hơi khí hoặc bụi. Nếu có khả năng bị tiếp xúc, phải sử dụng phương tiện bả o hộ sau đây, trừ khi đánh giá cho thấy phải sử dụng phương tiện bảo hộ cao cấp hơn: kính an toàn có tấm chắn bên hông.

Bảo vệ da

Bảo vệ tay : Phải luôn luôn mang bao tay kháng hóa chất, không thấm chất lỏng, phù hợp với tiêu chuẩn được chấp nhận khi xử lý sản phẩm có hóa chất, nếu một cuộc đánh giá rủi ro xác định điều này cần thiết. Xem xét các thông số do nhà sản xuất găng cung cấp, kiểm tra trong khi sử dụng để biết rằng găng vẫn còn giữ được các tính chất bảo vệ của nó. Cần lưu ý rằng thời gian thấm qua của bất kỳ vật liệu găng tay nào của bất kỳ nhà sản xuất găng tay nào cũng khác nhau. Trong trường hợp hỗn hợp có chứa nhiều chất, thì thời gian bảo vệ của găng tay không thể tính chính xác được.

Bảo vệ thân thể : Phải chọn thiết bị bảo hộ cá nhân cho cơ thể dựa vào nhiệm vụ đang thi hành và nguy cơ gắn liền và phải được chuyên gia chấp thuận trước khi xử lý sản phẩm này. Khi có nguy cơ cháy do tĩnh điện, phải sử dụng trang phục bảo hộ chống tĩnh điện. Để đạt đượ c hiệu quả bảo vệ chống tĩnh điện tốt nhất, trang phục cần bao gồm bộ áo liền quần, ủng và găng tay chống tĩnh điện.

Biện pháp bảo vệ da khác : Giày dép phù hợp và mọi biện pháp bảo vệ thêm cho da phải được chọn theo công việc sẽ thực hiện cùng các nguy cơ gắn liền với công việc đó và phải được một chuyên gia phê chuẩn cho sử dụng trước khi thao tác với sản phẩm này.

Biện pháp bảo vệ da khác : Giày dép phù hợp và mọi biện pháp bảo vệ thêm cho da phải được chọn theo công việc sẽ thực hiện cùng các nguy cơ gắn liền với công việc đó và phải được một chuyên gia phê chuẩn cho sử dụng trước khi thao tác với sản phẩm này.

Bảo vệ hô hấp : Dựa trên nguy cơ và khả năng phơi nhiễm, chọn một mặt nạ dưỡng khí đáp ứng tiêu chuẩn hoặc chứng nhận phù hợp. Phải sử dụng mặt nạ dưỡng khí theo chương trình bảo vệ hô hấp để đảm bảo lắp đặt, đào tạo phù hợp và các khía cạnh sử dụng quan trọng khác.

Tham khảo chính quyền địa phương về giới hạn phơi nhiễm chấp nhận.

IX. ĐẶC TÍNH LÝ, HÓA CỦA HÓA CHẤT

Bề ngoài

Trạng thái vật lý : Chất lỏng. [Chất lỏng giống rượu.]

Màu sắc : Không màu đến vàng nhạt.

Mùi : Đặc tính. Giống nước hoa.

pH : 8.5 để 9.5

Điểm sôi : 78.333°C (173°F)

Điểm bùng cháy : Cốc đậy kín: 13°C (55.4°F)

Mật độ tương đối : 0.8797 để 0.9197

Sản phẩm khí dung

Loại khí dung : Dạng phun

Nhiệt lượng cháy : 13.98 kJ/g

X. MỨC ỔN ĐỊNH VÀ KHẢ NĂNG HOẠT ĐỘNG CỦA HÓA CHẤT

Khả năng phản ứng : Không có dữ liệu thử nghiệm riêng liên quan đến khả năng phản ứng của sản phẩm này hoặc các thành phần của nó.

Tính ổn định : Sản phẩm ổn định.

Khả năng gây các phản ứng nguy hại : Trong điều kiện bảo quản và sử dụng thông thường, các phản ứng gây nguy hiểm sẽ không xảy ra.

Tình trạng cần tránh : Tránh để gần những nơi có thể kích hỏa (tia lửa hoặc ngọn lửa).

Các vật liệu không tương thích : Không có thông tin cụ thể gì.

Sản phẩm phân rã có mối nguy : Trong các điều kiện lưu trữ và sử dụng thông thường, không được sử dụng các sản phẩm nguy hiểm gây thối rữa.

XI. THÔNG TIN VỀ ĐỘC TÍNH

Hoa Kỳ

Thông tin về các tác dụng độc

Độc tính cấp tính

Tên sản phẩm/thành phần	Kết quả	Loài	Liều lượng	Sự phơi nhiễm
rượu etylic	LC50 Hít phải Hơi	Chuột	124700 mg/m³	4 giờ
	LD50 Đường miệng	Chuột	7 g/kg	-
decamethylcyclopentasiloxane	LD50 Đường miệng	Chuột	>24134 mg/kg	-

Kích ứng/Ăn mòn

Tên sản phẩm/thành phần	Kết quả	Loài	Điểm	Sự phơi nhiễm	Theo dõi tác dụng kích ứng
rượu etylic	Mắt - Kích ứng nhẹ	Thỏ	-	24 giờ 500 milligrams	-
	Mắt - Chất gây khó chịu vừa phải	Thỏ	-	0.066666667 phút 100 milligrams	-
	Mắt - Chất gây khó chịu vừa phải	Thỏ	-	100 microliters	-
	Mắt - Chất gây khó chịu nghiêm trọng	Thỏ	-	500 milligrams	-
decamethylcyclopentasiloxane	Mắt - Kích ứng nhẹ	Thỏ	-	24 giờ 500 milligrams	-
	Da - Kích ứng nhẹ	Thỏ	-	24 giờ 500 milligrams	-

Nhạy cảm

Không có sẵn.

Tính đột biến

Không có sẵn.

Tính gây ung thư

Không có sẵn.

XI. THÔNG TIN VỀ ĐỘC TÍNH

Độc tính sinh sản

Không có sẵn.

Độc tính gây quái thai

Không có sẵn.

Độc tính đối với một cơ quan cụ thể chịu tác động (phơi nhiễm một lần)

Không có sẵn.

Độc tính đối với một cơ quan cụ thể chịu tác động (phơi nhiễm lặp lại nhiều lần)

Không có sẵn.

Nguy hiểm bị ngạt từ nôn mửa

Không có sẵn.

Thông tin về các đường tiếp xúc có khả năng xảy ra : Không có sẵn.

Tác động sức khỏe cấp tính tiềm ẩn

Tiếp xúc mắt : Chưa biết đến hậu quả nghiêm trọng hoặc nguy hiểm tai hại nào.

Hít phải : Chưa biết đến hậu quả nghiêm trọng hoặc nguy hiểm tai hại nào.

Tiếp xúc ngoài da : Chưa biết đến hậu quả nghiêm trọng hoặc nguy hiểm tai hại nào.

Nuốt phải : Chưa biết đến hậu quả nghiêm trọng hoặc nguy hiểm tai hại nào.

Các triệu chứng có liên quan đến các đặc điểm lý học, hóa học, và độc tính

Tiếp xúc mắt : Các triệu chứng bất lợi có thể bao gồm những điều sau đây:
kích ứng khó chịu
bị đỏ

Hít phải : Các triệu chứng bất lợi có thể bao gồm những điều sau đây:
dị ứng đường hô hấp
ho

Tiếp xúc ngoài da : Không có thông tin cụ thể gì.

Nuốt phải : Không có thông tin cụ thể gì.

Các tác động chậm và tức thời và cả các tác động mãn tính từ việc phơi nhiễm ngắn hạn và lâu dài

Phơi nhiễm ngắn hạn

Các tác dụng tức thời có thể gặp : Không có sẵn.

Các tác dụng chậm có thể gặp : Không có sẵn.

Phơi nhiễm lâu dài

Các tác dụng tức thời có thể gặp : Không có sẵn.

Các tác dụng chậm có thể gặp : Không có sẵn.

Tác động sức khỏe mãn tính tiềm ẩn

Không có sẵn.

Tổng quát : Chưa biết đến hậu quả nghiêm trọng hoặc nguy hiểm tai hại nào.

Tính gây ung thư : Chưa biết đến hậu quả nghiêm trọng hoặc nguy hiểm tai hại nào.

Tính đột biến : Chưa biết đến hậu quả nghiêm trọng hoặc nguy hiểm tai hại nào.

Độc tính gây quái thai : Chưa biết đến hậu quả nghiêm trọng hoặc nguy hiểm tai hại nào.

XI. THÔNG TIN VỀ ĐỘC TÍNH

Các ảnh hưởng về phát triển cơ thể : Chưa biết đến hậu quả nghiêm trọng hoặc nguy hiểm tai hại nào.

Ảnh hưởng khả năng sinh sản : Chưa biết đến hậu quả nghiêm trọng hoặc nguy hiểm tai hại nào.

Các số liệu đo lường độ độc

Các giá trị ước tính độ độc cấp tính

Không có sẵn.

XII. THÔNG TIN VỀ SINH THÁI

Hoa Kỳ

Độc Tính

Tên sản phẩm/thành phần	Kết quả	Loài	Sự phơi nhiễm
rượu etylic	Cấp tính EC50 17.921 mg/l Nước biển Cấp tính EC50 2000 µg/l Nước ngọt Cấp tính LC50 25500 µg/l Nước biển Cấp tính LC50 42000 µg/l Nước ngọt mãn tính NOEC 4.995 mg/l Nước biển mãn tính NOEC 0.375 ul/L Nước ngọt	Tảo - Ulva pertusa Daphnia - Daphnia magna Loài tôm cua - Artemia franciscana - Ấu trùng Cá - Oncorhynchus mykiss Tảo - Ulva pertusa Cá - Gambusia holbrooki - Ấu trùng	96 giờ 48 giờ 48 giờ 4 ngày 96 giờ 12 tuần

Độ bền và khả năng phân hủy

Không có sẵn.

Khả năng tồn lưu

Tên sản phẩm/thành phần	$LogP_{ow}$	BCF	Tiềm năng
rượu etylic decamethylcyclopentasiloxane	-0.35 8.023	- 7060	thấp cao

Khả năng phân tán qua đất

Hệ số phân cách đất/nước (K_{OC}) : Không có sẵn.

Hậu quả xấu khác : Chưa biết đến hậu quả nghiêm trọng hoặc nguy hiểm tai hại nào.

XIII. YÊU CẦU TRONG VIỆC THẢI BỎ

Các phương pháp thải bỏ : Việc hủy bỏ sản phẩm này, các dung dịch hoặc các bán sản phẩm phải luôn tuân thủ các quy định về bảo vệ môi trường và luật về hủy chất thải, cũng như bất kỳ các quy định nào khác của nhà chức trách địa phương.

XIV. YÊU CẦU TRONG VẬN CHUYỂN

Quy chuẩn kỹ thuật và quy định pháp luật phải tuân thủ	Số UN	Tên thích hợp khi vận chuyển bằng tàu thuyền	Phân loại	PG*	Nhãn hiệu	Thông tin bổ sung

XIV. YÊU CẦU TRONG VẬN CHUYỂN

Phân loại DOT	UN1950	Aerosols	2.1	-	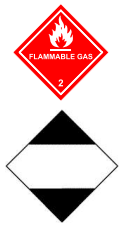	**Số lượng hạn chế** Vâng. **Hướng dẫn đóng gói** Exceptions: 306. Non-bulk: None. Bulk: None. **Giới hạn số lượng** Passenger aircraft/rail: 75 kg . Máy bay chở hàng: 150 kg . **Điều khoản đặc biệt** 153, N 82
Phân loại TDG	UN1950	AEROSOLS. Chất gây ô nhiễm biển (rượu etylic)	2.1	-		Product classified as per the following sections of the Transportation of Dangerous Goods Regulations: 2.13-2.17 (Class 2), 2.7 (Marine pollutant mark). Ký hiệu chất gây ô nhiễm hàng hải là không bắt buộc khi vận chuyển bằng đường bộ hoặc đường sắt. **Giới Hạn Nổ và Chỉ Số Số Lượng Hạn Chế** 1 **Chỉ Số Lượng Hành Khách Đường Bộ hay Đường Sắt** 75
Phân Loại Mexico	UN1950	AEROSOLES	2.1	-	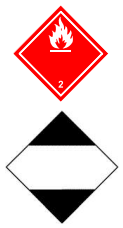	**Điều khoản đặc biệt** 63, 190, 277
Phân loại ADR/RID	UN1950	AEROSOLS	2	-	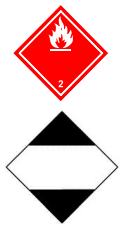	**Số lượng hạn chế** LQ2 **Điều khoản đặc biệt** 190 327 625 **Mã đường hầm** (D)
Phân loại IMDG	UN1950	AEROSOLS. Marine pollutant (ethanol)	2.1	-		The marine pollutant mark is not required when transported in sizes of ≤5 L or ≤5 kg. **Emergency schedules** F-D, S-U **Special provisions** 63, 190, 277, 327, 959

XIV. YÊU CẦU TRONG VẬN CHUYỂN

Phân loại IATA-DGR	UN1950	Aerosols, flammable	2.1	-		The environmentally hazardous substance mark may appear if required by other transportation regulations. **Quantity limitation** Passenger and Cargo Aircraft: 75 kg. Packaging instructions: 203. Cargo Aircraft Only: 150 kg. Packaging instructions: 203. Limited Quantities - Passenger Aircraft: 30 kg. Packaging instructions: Y203. **Special provisions** A145

PG* : Quy cách đóng gói

XV. QUY CHUẨN KỸ THUẬT VÀ QUY ĐỊNH PHÁP LUẬT PHẢI TUÂN THỦ

Quy định Liên Bang Hoa Kỳ : **TSCA 8(a) PAIR**: decamethylcyclopentasiloxane

TSCA 8(a) CDR Exempt/Partial exemption: Không xác định

Bản Kê của Hoa Kỳ (TSCA 8b) (Đạo Luật Kiểm Soát Chất Độc): Không xác định.

Clean Air Act (CAA) 112 regulated flammable substances: isobutane; 1, 1-difluoroethane

Clean Air Act Section 112 (b) Hazardous Air Pollutants (HAPs) : Không liệt kê

Clean Air Act Section 602 Class I Substances : Không liệt kê

Clean Air Act Section 602 Class II Substances : Không liệt kê

DEA List I Chemicals (Precursor Chemicals) : Không liệt kê

DEA List II Chemicals (Essential Chemicals) : Không liệt kê

SARA 302/304

Thông tin về thành phần các chất

Không tìm thấy sản phẩm nào.

SARA 304 RQ : Không áp dụng.

SARA 311/312

Phân loại : Mối nguy hỏa hoạn
Thoát áp suất đột ngột

Thông tin về thành phần các chất

Tên	%	Mối nguy hỏa hoạn	Thoát áp suất đột ngột	Phản ứng	Mối nguy sức khỏe cấp thời (cấp tính)	Nguy cơ sức khỏe (mãn tính) đến muộn
rượu etylic decamethylcyclopentasiloxane	25.41 17.16	Vâng. Vâng.	Không. Không.	Không. Không.	Vâng. Vâng.	Không. Không.

Quy định tiểu bang

XV. QUY CHUẨN KỸ THUẬT VÀ QUY ĐỊNH PHÁP LUẬT PHẢI TUÂN THỦ

Bang Massachusetts : Các thành phần sau được liệt kê: ISOBUTANE; ETHYL ALCOHOL; DIFLUOROETHANE

Bang New York : Không có thành phần nào trong hợp chất này được liệt kê.

New Jersey : Các thành phần sau được liệt kê: Isobutane; PROPANE, 2-METHYL-; ETHYL ALCOHOL; ALCOHOL; 1,1-DIFLUOROETHANE; ETHANE, 1,1-DIFLUORO-

Bang Pennsylvania : Các thành phần sau được liệt kê: PROPANE, 2-METHYL-; DENATURED ALCOHOL; ETHANOL

California Prop. 65

CALIFORNIA PROPOSITION 65: The following statement is made in order to comply with the California Safe Drinking Water and Toxic Enforcement Act of 1986. This product is not known to the State of California to cause cancer.

Không có sẵn.

Quy định quốc tế

Danh mục của Hiệp ước về Vũ khí Hóa học các chất hóa học theo các lịch trình I, II, III

Không liệt kê.

Nghị định thư Montreal (Phụ lục A, B, C, E)

Không liệt kê.

Hiệp ước Stockholm về các chất gây ô nhiễm hữu cơ bền

Không liệt kê.

Công Ước Rotterdam về Thỏa Thuận Có Hiểu Biết Trước (PIC)

Không liệt kê.

Nghị định thư UNECE Aarhus về PÓP và các kim loại nặng

Không liệt kê.

Canada

WHMIS (Canada) : Phân loại B-2: Chất lỏng dễ cháy
Phân loại B-5: Hơi phun dễ cháy.
Phân loại D-2A: Chất gây hậu quả độc khác (Độc).

Các danh sách của Canada

NPRI Canada : Các thành phần sau được liệt kê: Butane (all isomers); Ethanol; Volatile organic compounds

Các chất độc theo CEPA (Đạo Luật Bảo Vệ Môi Trường của Canada) : Các thành phần sau được liệt kê: Volatile organic compounds

Bản kê của Canada : Không xác định.

This product has been classified in accordance with the hazard criteria of the Controlled Products Regulations and the MSDS contains all the information required by the Controlled Products Regulations.

Mexico

Phân loại :

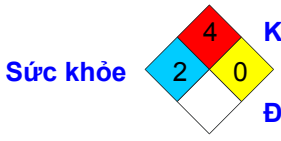

XVI. THÔNG TIN CẦN THIẾT KHÁC

Hệ Thống Thông Tin Chất Nguy Hiểm (Hoa Kỳ)

Sức khỏe	2
Khả năng cháy	4
Nguy hiểm thể chất	0

Caution: HMIS® ratings are based on a 0-4 rating scale, with 0 representing minimal hazards or risks, and 4 representing significant hazards or risks. Although HMIS® ratings and the associated label are not required on SDSs or products leaving a facility under 29 CFR 1910.1200, the preparer may choose to provide them. HMIS® ratings are to be used with a fully implemented HMIS® program. HMIS® is a registered trademark and service mark of the American Coatings Association, Inc.

Khách hàng chịu trách nhiệm xác định qui tắc sử dụng thiết bị bảo hộ cá nhân (PPE) cho vật liệu này. Để biết thêm thông tin về các qui tắc sử dụng Thiết bị Bảo hộ Cá nhân (PPE) của HMIS®, hãy tham khảo Sổ tay Thao tác HMIS®.

Hiệp Hội Bảo Vệ Hỏa Hoạn Quốc Gia (Hoa Kỳ)

Reprinted with permission from NFPA 704-2001, Identification of the Hazards of Materials for Emergency Response Copyright ©1997, National Fire Protection Association, Quincy, MA 02269. This reprinted material is not the complete and official position of the National Fire Protection Association, on the referenced subject which is represented only by the standard in its entirety.

Copyright ©2001, National Fire Protection Association, Quincy, MA 02269. This warning system is intended to be interpreted and applied only by properly trained individuals to identify fire, health and reactivity hazards of chemicals. The user is referred to certain limited number of chemicals with recommended classifications in NFPA 49 and NFPA 325, which would be used as a guideline only. Whether the chemicals are classified by NFPA or not, anyone using the 704 systems to classify chemicals does so at their own risk.

Lịch sử

Ngày in	:	11/17/2020
Ngày phát hành/Ngày hiệu chỉnh	:	9/18/2020
Ngày phát hành lần trước	:	Trước đây chưa thẩm định
Phiên bản	:	1
Tham khảo	:	Không có sẵn.

Cho thấy thông tin đã thay đổi kể từ phiên bản phát hành trước đó.

Người đọc lưu ý

Thông tin được đưa ra ở đây là chính xác dựa trên các hiểu biết của chúng tôi. Tuy nhiên, nhà cung cấp nêu tên ở trên hay các cơ sở trực thuộc không chịu bất kỳ trách nhiệm nào về tính chính xác hay đầy đủ của thông tin này.
Quyết định cuối cùng về sự phù hợp hay không của nguyên liệu nào là thuộc về trách nhiệm của người sử dụng. Tất cả những nguyên liệu có thể có những nguy hại chưa được biết đến và vì vậy cần phải được sử dụng cẩn thận. Mặc dù có một vài tác động nguy hại được nêu ở đây nhưng chúng tôi không bảo đảm rằng đây là những nguy hại duy nhất tồn tại.